

NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG CÔNG BẰNG VÀ HỢP LÝ NGUỒN NƯỚC QUỐC TẾ TẠI LƯU VỰC SÔNG MEKONG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

ThS HUỲNH THỊ THU TRANG

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: httrang@hcmulaw.edu.vn

MẠCH VĂN VƯƠNG

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: mvvuong@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Xuất phát từ vị trí nằm ở hạ lưu của sông Mekong, tài nguyên nước của Việt Nam tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang bị đe dọa nghiêm trọng từ bên ngoài lãnh thổ quốc gia. Trong bối cảnh ấy, vấn đề nhận diện những thách thức mà Việt Nam đã và đang phải đối mặt ở hiện tại cũng như củng cố cơ sở pháp lý, đề ra các biện pháp cần thiết, thúc đẩy sự hợp tác với các quốc gia trong khai thác, quản lý và bảo vệ nguồn nước chung là nhiệm vụ vô cùng cấp thiết.

Từ khóa: nguồn nước quốc tế, sông Mekong, sử dụng công bằng và hợp lý

Abstract

Originating from its location downstream of the Mekong River, Vietnam's water resources in the Mekong Delta region are currently under serious threat from outside the national territory. In that context, the issue of identifying the challenges that Vietnam has been facing at present as well as strengthening the legal basis, proposing necessary measures, and promoting cooperation with countries in exploiting, managing and protecting water resources is an extremely urgent task.

Keywords: international water source, Mekong River, equitable and reasonable use

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.358>

Ngày nhận bài: 16/7/2024

Ngày duyệt đăng: 25/8/2025

1. Nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế

Trong mối quan hệ giữa các quốc gia có chủ quyền, “công bằng” được hiểu là bao gồm việc chia sẻ tài nguyên chung xuyên biên giới, với mục đích nhằm đạt được các quy trình và kết quả có thể chấp nhận, mang tính cân xứng và công bằng về mặt pháp lý¹ hay trong việc khai thác nguồn tài nguyên chung giữa các quốc gia, nội dung của khái niệm “công bằng” lại tập trung đề cập sự phân phối đồng thời cả về mặt lợi ích, lẫn thiệt hại một cách công bằng.² Đây là mối quan tâm chung, thúc đẩy sự hỗ trợ lẫn nhau trong quan hệ giữa các quốc gia và đảm bảo nguyên tắc “có đi có lại” trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên xuyên biên giới.³ Tuy vào từng trường hợp cụ thể⁴ mà việc sử dụng nguồn nước quốc tế gây

1 Nikolai Wessendorf, and others, *The charter of the united nations: A commentary, Volume I*, 3rd Edition, Oxford Commentaries on International Law, (2012, tr. 113–114, DOI: <https://doi.org/10.1093/law/9780199639762.001.0001>).

2 D. Shelton, “Equity”, in Bodansky D. Brunnée I and Hey E, *The Oxford handbook of international environmental law*, Oxford University Press, 2008, tr. 640.

3 Netherlands v. Belgium Judgment, “The diversion of water from meuse”, đoạn 323, (ser. A/B) No. 70 (June 28), 1937, https://www.worldcourts.com/pcij/eng/decisions/1937.06.28_meuse.htm, truy cập ngày 02/02/2024.

4 The United Nations Economic Commission for Europe (UNECE), “Guide to implementing the water convention”, 2013, đoạn 109.

ra những tác động mang tính xuyên biên giới có thể được xem xét là có đang được sử dụng công bằng và hợp lý hay không, điều này còn phụ thuộc vào hình thức và thỏa thuận hợp tác giữa các quốc gia có liên quan, trừ trường hợp việc thỏa thuận này không đảm bảo tính bền vững, có thể gây ảnh hưởng lớn hoặc không thể tự phục hồi được của môi trường đến mức làm hạn chế “nhu cầu thiết yếu”⁵ của người dân sống dọc lưu vực ở hiện tại hoặc tương lai.⁶ Hay nói cách khác, hai vấn đề cần cân nhắc một cách đồng thời là các “nhu cầu thiết yếu” của con người và hệ sinh thái của nguồn nước quốc tế phải luôn được đảm bảo và bảo vệ khi các quốc gia thiết lập cơ chế sử dụng công bằng nguồn nước.⁷

Nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế được công nhận một cách rõ ràng như là một phần của luật tập quán quốc tế, được chứng minh thông qua các hiệp định quốc tế, các công cụ không mang tính ràng buộc và cả trong các quyết định của Tòa án và trọng tài lẫn công trình nghiên cứu⁸. Sự chấp nhận rộng rãi của nguyên tắc này như một quy tắc ràng buộc chính trong lĩnh vực tài nguyên nước xuyên biên giới đã được cụ thể hóa tại các điều 5, 6 và 10 của Công ước New York năm 1997. Theo quy định tại Quy tắc Helsinki năm 1966 (*Helsinki Rules*),⁹ Công ước của Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy năm 1997 (Công ước New York năm 1997) và Công ước về bảo vệ và sử dụng các nguồn nước xuyên biên giới và các hồ quốc tế (Công ước Helsinki năm 1992) của Ủy ban Kinh tế châu Âu của Liên hợp quốc (*United Nations Economic Commission for Europe Water Convention*), nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế bao gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, việc sử dụng công bằng và hợp lý¹⁰ nguồn nước quốc tế đòi hỏi các quốc gia thuộc lưu vực sử dụng chung nguồn nước quốc tế phải sử dụng nguồn nước này một cách công bằng, hiệu quả và hợp lý, trong đó một quốc gia bên cạnh việc quan tâm đến lợi ích của mình thì còn phải có trách nhiệm đảm bảo lợi ích của các quốc gia khác có chung nguồn nước. Nói cách khác, trong phạm vi lãnh thổ của mình, mỗi quốc gia thuộc lưu vực nguồn nước quốc tế có quyền được sử dụng và phát triển nguồn nước chung theo nhu cầu, nhằm sử dụng hiệu quả, phục vụ cho sinh hoạt cũng như phát triển kinh tế. Đồng thời, việc sử dụng này phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến việc thụ hưởng lợi

5 Điều 10 của Công ước của Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy năm 1997 sử dụng thuật ngữ “nhu cầu thiết yếu của con người” và xem đây là yếu tố quan trọng nhất trong việc sử dụng nguồn nước.

6 UNECE, *tlđđ*, đoạn 109.

7 Alistair Rieu-Clarke & Christopher Spray, “Ecosystem services and international water law: Towards a more effective determination and implementation of equity?”, *Potchefstroom Electronic Law Journal*, 2013, tr. 12, DOI: <https://doi.org/10.4314/pelj.v16i2.3>

8 International Law Commission, “Commentary to draft articles on the law of the non-navigational uses of international watercourses”, *Yearbook of the International Law Commission*, 1994, đoạn 24, tr. 222.

9 Nội dung của Quy tắc này quy định một số vấn đề quan trọng liên quan đến việc sử dụng nguồn nước xuyên biên giới vào mục đích phi giao thông thủy, đơn cử thuyết “phân bổ công bằng và hợp lý” nguồn nước quốc tế. Và Quy tắc này cũng được xem là tiền thân của Công ước New York năm 1997. Xem Gabriel Eckstein, “Development of international water law and the UN Watercourse Convention”, *Hydropolitics in the Developing World: A Southern African Perspective*, Turton & Henwood (Eds.), 2002, tr. 81-96, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3230117

10 Điều 2.2 c Công ước Helsinki năm 1992.

ích, tiềm năng sử dụng nguồn nước chung của các quốc gia lân cận. Tuy nhiên, nguyên tắc cơ bản về “quyền bình đẳng” này không có nghĩa là mỗi quốc gia có chung nguồn nước quốc tế đều được hưởng một phần bằng nhau về việc sử dụng và thụ hưởng lợi ích từ nguồn nước đó. Phạm vi quyền của mỗi quốc gia được sử dụng công bằng tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể ở từng trường hợp riêng lẻ.¹¹ Mặt khác, Ủy ban Pháp luật quốc tế (*International Law Commission*, ILC) cũng nhấn mạnh rằng “trong một số trường hợp nhất định, việc sử dụng hợp lý và công bằng nguồn nước quốc tế vẫn có thể gây ra tác hại đáng kể cho quốc gia có chung nguồn nước khác”.¹²

Ví dụ, phán quyết của Tòa án Công lý quốc tế (ICJ) trong vụ tranh chấp liên quan đến Dự án Gabčíkovo-Nagymaros (Hungary/Slovakia) trên sông Danube đã đề cập “quyền cơ bản của Nhà nước có nguồn nước được hưởng một cách công bằng và hợp lý thông qua việc chia sẻ tài nguyên nguồn nước quốc tế”.¹³ Tòa án cho rằng Slovakia phải chịu trách nhiệm quốc tế về việc đơn phương tiếp tục thực hiện các công trình cấp nước như một phản ứng đáp trả trước việc Hungary rút khỏi dự án phát triển chung trên sông Danube. Đồng thời phán quyết cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc vận hành dự án liên quan đến vụ việc sử dụng “một cách công bằng và hợp lý”.¹⁴

Thứ hai, việc không có sự thống nhất trong vấn đề quản lý nguồn nước chung sẽ dẫn đến việc khó xác định liệu nguồn nước đó có được sử dụng một cách công bằng và hợp lý hay không. Trên thực tế, một quốc gia gần như không thể đảm bảo rằng việc sử dụng nguồn nước chung trên lãnh thổ đảm bảo sự công bằng và hợp lý nếu như không có dữ liệu và thông tin từ các quốc gia ven sông khác¹⁵ thông qua các hình thức như phối hợp trong phòng chống lũ lụt, các chương trình giảm thiểu ô nhiễm, hạn hán, chống xói mòn, xây dựng các công trình thủy lợi giúp điều tiết dòng chảy...¹⁶ Do đó, điều then chốt để đảm bảo việc thực hiện tốt nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế phải được thông qua sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia liên quan.

Trong vụ *Kansas v. Colorado*, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã bác bỏ yêu cầu bồi thường của bang Kansas ở hạ lưu sông Arkansas đối với bang Colorado. Tòa án nhận định việc Colorado giữ nước sông Arkansas phục vụ cho mục đích tưới tiêu đã làm giảm lượng nước chảy vào Kansas là cách sử dụng hợp lý nguồn nước. Đồng thời, kết quả của việc ngăn nước này là giúp khai hoang những khu vực rộng lớn ở Colorado, biến hàng ngàn mẫu đất thành những cánh đồng màu mỡ. Tòa án cũng đề cập rằng mặc dù ảnh hưởng từ việc giảm lưu lượng nước này

11 Yearbook of the International Law Commission, 1994, Vol. II, part two, tr. 98.

12 International Law Commission, “Report on the work of its forty-sixth session”, *Official Records of the General Assembly*, 1994, đoạn 2, tr. 103. https://legal.un.org/ilc/documentation/english/reports/a_49_10.pdf, truy cập ngày 02/02/2024.

13 ICJ, *Gabčíkovo-Nagymaros Project (Hungary/Slovakia)*, ICJ Reports, 1997, đoạn 78, tr. 54.

14 *Như trên*, đoạn 78, tr. 54; đoạn 147, tr. 80; đoạn 150, tr. 80.

15 Việc đánh giá tính chất công bằng trong việc sử dụng nguồn nước quốc tế phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể liên quan đến từng lưu vực nhất định, cũng như kết hợp với các đặc điểm xã hội, kinh tế và chính trị của các quốc gia liên quan. Theo đó, nó đòi hỏi phải thực hiện đánh giá theo từng trường hợp cụ thể phù hợp với Công ước quốc tế; trao đổi dữ liệu và thông tin lẫn nhau về các yếu tố cụ thể của lưu vực và quốc gia, cũng như có sự tham vấn, hợp tác là điều kiện tiên quyết.

16 United Nations, *Guide to implementing the water convention*, 2013, tr. 32.

đã gây tổn hại rõ rệt cho một số phần của thung lũng Arkansas ở Kansas, tuy nhiên, phần lớn thung lũng hầu như không gây hậu quả bất lợi gì. Mặt khác, Tòa án cũng nhận định thêm rằng “rõ ràng nếu tình trạng cạn kiệt nước sông của Colorado tiếp tục gia tăng thì Kansas có thể tuyên bố một cách thẳng thắn rằng không còn sự phân chia lợi ích công bằng nữa và có thể yêu cầu sự hỗ trợ chống lại hành động một cách chính đáng trước hành động của Colorado”.¹⁷

Ngoài ra, nghĩa vụ sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế còn được coi là nguyên tắc cơ bản trong việc phân bổ¹⁸ và gắn liền với sự phát triển bền vững nguồn nước quốc tế.¹⁹ Chính vì vậy, ở một số văn bản về luật nước quốc tế đều có nội dung quy định nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý như: Điều 4-6 và 26 Hiệp định lưu vực sông Mekong năm 1995;²⁰ Điều 2, 3 của Nghị định thư Cộng đồng Phát triển Nam Phi (SADC) về hệ thống nguồn nước chung năm 1995;²¹ Các điều 10.1, 12, 13, 14, 15 và 16 của Quy tắc Berlin về tài nguyên nước năm 2004²² và Điều 4 của Hiệp định khung hợp tác lưu vực sông Nile năm 2009.²³

Theo quy định tại Điều 6.1 Công ước New York năm 1997, để bảo đảm sử dụng hợp lý và công bằng nguồn nước quốc tế, cần xem xét đến tất cả 07 yếu tố sau:²⁴

- (a) Các yếu tố địa lý, thủy văn, khí hậu, sinh thái và các yếu tố khác có tính chất tự nhiên;
- (b) Nhu cầu kinh tế và xã hội của các quốc gia có nguồn nước liên quan;
- (c) Dân số phụ thuộc vào nguồn nước ở mỗi quốc gia có nguồn nước;
- (d) Tác động của việc sử dụng hoặc sử dụng các nguồn nước ở một quốc gia có nguồn nước này đối với các quốc gia có nguồn nước khác;
- (e) Việc sử dụng nguồn nước hiện tại và tiềm năng;
- (f) Bảo tồn, bảo vệ, phát triển và sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước của nguồn nước và chi phí của các biện pháp được thực hiện để đạt được hiệu quả đó;
- (g) Sự sẵn có của các lựa chọn thay thế, có giá trị tương đương, cho một mục đích sử dụng cụ thể đã được quy hoạch hoặc hiện có.

Với đặc thù nguồn nước quốc tế là tài nguyên nước được sử dụng chung bởi hai hay nhiều quốc gia có chung vị trí địa lý và có tính chất xuyên biên giới, có

17 *Kansas v. Colorado*, 1907, 206 U.S. 46, <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/206/46/>, truy cập ngày 02/02/2024.

18 Owen McIntyre, “Environmental protection of international watercourses under international law”, 1st ed., Routledge, 2016, DOI: <https://doi.org/10.4324/9781315580043>

19 Aaron T. Wolf, “Criteria for equitable allocations: The heart of international water conflict”, *Natural Resources Forum*, Blackwell Publishing, Vol. 23(1), 1999, pp. 3-30, DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1477-8947.1999.tb00235.x>

20 Mekong River Commission, “Agreement on the cooperation for the sustainable development of the Mekong River Basin”, Mekong River Commission Secretariat: Phnom Penh, Cambodia, 1995

21 Southern African Development Community, “Protocol on shared watercourses in the SADC Region”, *International Water Law Project*, 1995, <https://www.internationalwaterlaw.org/documents/regionaldocs/sadc1.html>, truy cập ngày 02/02/2024.

22 International Law Association, “Berlin rules on water resources”, in *Proceedings of the Seventy-First Conference*, Berlin, Germany, 16–21 August 2004; International Law Association: London, UK.

23 Aaron T. Wolf, “International water conflict resolution: Lessons from comparative analysis”, *International Journal of Water Resources Development*, Vol. 13(3), 1997, tr. 333–366, DOI: <https://doi.org/10.1080/07900629749728>

24 Điều 13.2 của Quy tắc Berlin về tài nguyên nước năm 2004 cũng ghi nhận các yếu tố tương tự cần được xem xét liên quan đến việc sử dụng hợp lý và công bằng nguồn nước quốc tế.

dòng chảy trải dài ở nhiều quốc gia khác nhau, sông Mekong được xem là một tài nguyên nước quốc tế được sử dụng và phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân ở 6 quốc gia và được xem là lưu vực sông lớn nhất Đông Nam Á. Được bắt nguồn từ cao nguyên Thanh Tạng (thuộc Tây Tạng) của Trung Quốc, trải dài gần 4.900km qua các nước Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và đổ ra biển Đông ở Việt Nam,²⁵ lưu lượng nước ròng của sông Mekong ước đạt 475 tỉ mét khối mỗi năm.²⁶ Đối với Việt Nam, lưu vực sông Mekong có diện tích khoảng 71.000 km², chiếm hơn 8% diện tích toàn lưu vực và 20% diện tích Việt Nam, gần 60% tổng dòng chảy hàng năm của Việt Nam và cung cấp môi trường sản xuất nông nghiệp, điều kiện nuôi trồng và đánh bắt thủy sản cho người dân địa phương, ước tính chiếm khoảng 23% trên tổng dân số (theo Ủy ban sông Mekong Việt Nam).²⁷ Điều này có vai trò đặc biệt trong việc bồi đắp, cung cấp nguồn nước ngọt cho hai vùng kinh tế trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên, mặt khác còn có ý nghĩa chiến lược trong việc đảm bảo vấn đề an ninh lương thực và sự phát triển bền vững cho cộng đồng dân cư khu vực phía Nam nói riêng và Việt Nam nói chung.

Ngày 5/4/1995, tại Chiang Rai (Thái Lan), Hiệp định hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mekong (Hiệp định Mekong năm 1995) đã được thông qua bởi 04 quốc gia, bao gồm: Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, các bên của Hiệp định cũng đã thành lập Ủy hội sông Mekong quốc tế (*Mekong River Commission*, MRC) – một tổ chức liên chính phủ có vai trò thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia trong lưu vực. Đối với mối quan hệ giữa các quốc gia thành viên, Hiệp định Mekong năm 1995 có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường quan hệ chiến lược, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia tại lưu vực sông Mekong và các quốc gia khác trong khu vực để sử dụng và quản lý một cách hiệu quả nhằm đạt được việc sử dụng tối ưu nguồn nước quốc tế.

Khi xem xét mối quan hệ giữa nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế và Hiệp định Mekong năm 1995, cả hai khuôn khổ này đều gắn liền, chứa đựng nghĩa vụ sử dụng không gây hại đáng kể trong luật môi trường quốc tế, nhấn mạnh sự hợp tác giữa các quốc gia ven sông để đảm bảo quản lý tài nguyên nước bền vững, đồng thời ngăn ngừa những tác hại đáng kể cho hệ sinh thái thông qua các nhiệm vụ trọng tâm như: (i) thiết lập khuôn khổ hợp tác; (ii) thúc đẩy phát triển bền vững; (iii) thông báo và tham vấn trước; và (iv) giải quyết tác hại tiềm tàng. Cụ thể hơn, Hiệp định Mekong năm 1995 yêu cầu các quốc gia chia sẻ tài nguyên nước một cách công bằng, xem xét nhu cầu của tất cả các nước ven sông,²⁸ tuân thủ nghĩa vụ không gây hại đáng kể²⁹

25 MRC, “Mekong Basin planning the story behind the basin development plan the BDP story”, *Mekong River Commission*, 31 Dec 2012, <https://www.mrcmekong.org/about/mekong-basin/>, truy cập ngày 02/02/2024.

26 Lao People’s Democratic Republic, *Feasibility Study Report of Paklay Hydropower Project*, 2017.

27 Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, “Lưu vực sông Mê Công ở Việt Nam”, *Cổng thông tin điện tử Ủy ban sông Mê Công Việt Nam*, <https://vnmc.gov.vn/?p=719>, truy cập ngày 02/02/2024.

28 Giang Nguyen Dang, Hoa Thanh Ha, Tuan Van Vu, “Some legal controversies on equitable and sustainable utilization of transboundary water resources in practice (by example of the Mekong River)”, *Hydrobiological Journal*, Vol. 59(6), 2023, tr. 20–37, DOI: <https://doi.org/10.1615/hydrobj.v59.i6.20>

29 Điều 7 Hiệp định Mekong 1995.

ngăn chặn các tác động bất lợi đáng kể đối với tài nguyên nước được chia sẻ.³⁰ Năm 2023, MRC đã ban hành Hướng dẫn đánh giá tác động môi trường xuyên biên giới ở lưu vực hạ lưu sông Mekong.³¹

2. Sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước tại lưu vực sông Mekong và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam

Các quốc gia ven sông Mekong đang phải đối mặt với những thách thức trong việc chống lại thiên tai, bảo vệ duy trì và sử dụng hợp lý nguồn nước, đồng thời vẫn còn tồn tại các yếu sách chồng chéo và cạnh tranh thông qua các hành vi sử dụng nước của các quốc gia ven sông. Trong bối cảnh ấy, lợi ích sử dụng nguồn nước ngọt quốc tế của thế hệ tương lai thường có thể bị bỏ quên. Biểu hiện rõ nhất là thực trạng việc sử dụng nguồn nước sông Mekong hiện tại đang bị quá tải, lưu lượng và chất lượng nước dần bị giảm sút, nông nghiệp và ngư nghiệp đang bị đe dọa.

Thứ nhất, về lưu lượng, chất lượng nguồn nước và sinh kế của người dân.

Tính đến năm 2022, trên các dòng chính của sông Mekong có tổng cộng 103 đập thủy điện, trong đó có 16 đập đang được đề xuất quy hoạch, 31 đập đang xây dựng và 56 đập đang hoạt động.³² Riêng thượng nguồn sông Mekong có 141 nhà máy thủy điện đã đi vào hoạt động, 36 công trình được xây dựng và dự kiến đến năm 2032 ước tính sẽ có tổng cộng 468 nhà máy thủy điện hoạt động trên dòng chính sông Mekong và các phụ lưu.³³ Việc vận hành của những đập thủy điện tại thượng nguồn sẽ làm cho các hệ sinh thái, dòng chảy, lượng phù sa bị thay đổi và suy giảm, dẫn đến những tác hại về môi trường và xã hội với các quốc gia phía hạ lưu vực sông Mekong như Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Trong đó, vùng đồng bằng lưu vực sông ở Campuchia và Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, hứng chịu sự tác động lớn nhất từ những dự án thủy điện này.³⁴ Một vài nghiên cứu chỉ ra rằng, hầu hết các đập được xây dựng trên thế giới không thể đạt được tối đa công năng, hiệu suất (thường chỉ ước đạt 50–60% so với thiết kế); đồng thời, các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng và vận hành các đập này gây ra không phải chỉ là vấn đề cụ thể đối với các dự án hay tại khu vực cụ thể mà nó còn có tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội, sức khỏe cộng đồng và sinh kế của người dân trên tầm vĩ mô.³⁵

30 Hoojat Mianabadi, Simin Alioghli, Saeed Morid, “Quantitative evaluation of ‘No-harm’ rule in international transboundary water law in the Helmand River basin”, *Journal of Hydrology*, Vol. 599, 2021, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jhydrol.2021.126368>

31 Mekong River Commission “Guidelines for transboundary environmental impact assessment in the Lower Mekong Basin”, *Vientiane: MRC Secretariat*, 2023.

32 Open Development Mekong Vietnam, “Các đập thủy điện trên các dòng chính trong vùng Mê Kông năm 2022”, *Open Development Mekong Vietnam*, 2022, <https://data.vietnam.opendevopmentmekong.net/vi/dataset/hydropower-dams-in-the-mekong-region-in-2022>, truy cập ngày 15/02/2024.

33 Lê Thu Mạch, Hoàng Long Cao và Vũ Thế Cường, “Floods and migrants of Vietnam’s Mekong Delta: 25 lessons from the data”, *Mekong Eye*, 2022, <https://www.mekongeye.com/2022/02/11/floods-and-migrants-of-vietnams-mekong-delta-25-lessons-from-the-data/>, truy cập ngày 15/02/2024.

34 Lê Phát Quới, “Hoạt động phát triển, suy thoái nguồn nước và tác động đến hệ sinh thái khu vực sông Mekong”, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, https://www.nature.org.vn/vn/tai-lieu/mk2012/291206_Suythoai_TN_Nuoc_va_HST_LV_Mekong.pdf, truy cập ngày 15/02/2024.

35 Leonard B. Lerer & Thayer Scudder, “Health impacts of large dams”, *Environmental Impact Assessment Review*, Vol. 19(2), 1999, tr. 113–123, DOI: [https://doi.org/10.1016/S0195-9255\(98\)00041-9](https://doi.org/10.1016/S0195-9255(98)00041-9)

Việc xây dựng đập trên sông Mekong một cách ồ ạt làm dấy lên mối lo ngại về an ninh nguồn nước ở vùng hạ lưu, dòng chảy phù sa³⁶ và sự di cư của các loại thủy sản như cá nước ngọt, kết hợp với việc xả chất ô nhiễm chưa đạt chuẩn vào sông Mekong cũng vi phạm nghĩa vụ không gây hại. Hiệp định Mekong năm 1995, nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý, và nghĩa vụ không gây hại đáng kể yêu cầu các quốc gia ven sông nghiêm túc đánh giá những tác động này, có trách nhiệm sử dụng nguồn nước Mekong một cách hợp lý và công bằng, đồng thời hợp tác trong việc bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm theo thỏa thuận³⁷ và hạn chế các tác động gây hại đến hệ sinh thái của lưu vực.³⁸

Về chất lượng nguồn nước, theo Báo cáo tóm tắt kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước Việt Nam, Thái Lan và Myanmar năm 2021,³⁹ vấn đề đảm bảo chất lượng nước luôn được Chính phủ các quốc gia dành sự quan tâm, chú trọng và nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp trong công tác quản lý nguồn nước quốc tế sông Mekong, đồng thời các chính sách này được gắn liền với việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững ở từng quốc gia.⁴⁰ Tuy nhiên, các báo cáo kiểm toán cũng chỉ ra tình trạng nguồn nước sông Mekong đang dần bị suy thoái, xuất hiện tình trạng chất lượng nước tại một số khu vực thuộc lưu vực sông Mekong đang có dấu hiệu ô nhiễm. Chất lượng nước mặt, nước ngầm có dấu hiệu bị ô nhiễm vi sinh, nhiễm phèn và có độ mặn cao tại một số khu vực giáp biển của Việt Nam. Hệ quả là tình trạng thiếu nước ngọt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng tự làm sạch và rửa mặn tự nhiên của dòng sông, điều này tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, đời sống của người dân ở các quốc gia.⁴¹ Nguyên nhân của sự suy giảm này là do tác động từ hoạt động xả thải sinh hoạt, công nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu trong quá trình sinh sống, sản xuất của người dân địa phương tại lưu vực sông Mekong kết hợp với những hành động ngăn, tích trữ nước với khối lượng lớn ở các đập thủy điện phía thượng nguồn làm thay đổi đáng kể về cả lưu lượng lẫn thời gian của dòng chảy tự nhiên vốn có.

Về lưu lượng nước và sinh kế của người dân, trên cơ sở phân tích các số liệu đo đạc, thống kê và thu thập được về lưu lượng nước tại các thời điểm, Kiểm toán Nhà nước hai nước Việt Nam và Thái Lan đều ghi nhận tình trạng thiếu nước ngọt tại mỗi quốc gia có xu hướng ngày càng gia tăng. Cụ thể, lượng nước đổ từ thượng nguồn sông Mekong về đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam đang có chiều hướng suy giảm mạnh so với các năm trước. Lưu lượng nước năm 2020

36 Baran E., Guerin E., Nasielski J., “Fish, sediment and dams in the Mekong”, *Penang, Malaysia: WorldFish, and CGIAR Research Program on Water, Land and Ecosystems (WLE)*, 2015, tr. 10.

37 Bai Y., Wang Q., Yang Y., “From pollution control cooperation of Lancang-Mekong River to “two mountains theory””, *Sustainability*, 2022, Vol. 14(4), tr. 2392, DOI: <https://doi.org/10.3390/su14042392>

38 Theo ghi nhận tại Điều 3 và Điều 4 của Hiệp định Mekong năm 1995.

39 Kiểm toán được thực hiện trong khuôn khổ phối hợp với cơ quan kiểm toán Thái Lan, Lào, Myanmar và Campuchia vấn đề an ninh nguồn nước tại lưu vực sông Mekong của ASOSAI tại khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2020-2021 với chủ đề: “Kiểm toán việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mekong gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững”.

40 TTXVN, “Khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước sông Mekong”, *Tổng cục Khí tượng thủy văn*, 2021, <http://vnmmha.gov.vn/tin-tuc-tai-nguyen-nuoc-va-moi-truong-114/khac-phuc-tinh-trang-o-nhiem-nguon-nuoc-song-mekong-11005.html>, truy cập ngày 15/02/2024.

41 Như trên.

thấp hơn 157 tỷ mét khối so với cùng kỳ của năm 2011. Theo dự báo, nếu tất cả 9 con đập ở Lào được hoàn thành và đi vào vận hành, lượng phù sa chảy về Đồng bằng sông Cửu Long sẽ giảm xuống còn 5 – 7% (10 – 13 triệu tấn/năm),⁴² lượng phù sa, bùn cát chảy về từ thượng nguồn năm 2020 cũng giảm tương ứng 14 triệu tấn so với năm 2017.⁴³ Đối với vấn đề sinh kế của người dân, Kiểm toán Nhà nước Thái Lan đã đánh giá “Hiệu ứng dòng nước đối” là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng hiện tượng xói mòn và phá hủy nhiều công trình, cơ sở hạ tầng và nhà ở của người dân dọc theo ven bờ sông. Đồng thời, việc thiếu hụt phù sa trầm trọng đã và đang gây ảnh hưởng rất lớn đến các hệ thống sinh thái trên sông. Nguyên nhân của hiện tượng này là do giảm diện tích rừng đầu nguồn một cách nhanh chóng. Theo nghiên cứu của MRC, năm 2003, độ che phủ rừng của lưu vực sông Mekong đã bị thay đổi đáng kể, độ che phủ hàng năm giảm 0,53% năm, dẫn tới 79% hộ gia đình làm nghề nông, ngư nghiệp ở 8 tỉnh dọc theo sông Mekong bị giảm thu nhập do sự biến đổi của nguồn nước.⁴⁴

Thứ hai, về nông nghiệp và ngư nghiệp của Việt Nam

Việc sụt giảm lưu lượng và chất lượng nguồn nước sông Mekong trong vài năm trở lại đây đã dẫn đến sự suy giảm hệ sinh thái của vùng đất ngập nước cũng như ảnh hưởng đến tính đa dạng sinh học tại đồng bằng sông Cửu Long một cách vĩnh viễn. Đất nông nghiệp ở một số khu vực bị nhiễm mặn ăn sâu, tình trạng thiếu nước ngọt vào mùa khô và kéo dài làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng lúa thu hoạch được và hiệu quả nuôi trồng thủy sản của người dân. Theo số liệu của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sản lượng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nhìn chung có xu hướng giảm nhẹ qua từng năm, cụ thể, năm 2014 là 25,2 triệu tấn, tăng so với cùng kỳ của năm 2013. Tuy nhiên đến giai đoạn từ năm 2015 đến 2020, sản lượng lúa giảm từ 25,6 triệu tấn xuống còn 23,8 triệu tấn.⁴⁵ Năm 2023, sản lượng có sự tăng nhẹ, ước đạt 23,970 triệu tấn, tăng 416.000 tấn so cùng kỳ năm 2022.⁴⁶ Theo dự báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (BTN&MT), sản lượng lúa và ngô ở Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ bị giảm tương ứng khoảng 552.500 tấn và 21.700 tấn (khoảng 10%) trong 10 năm, thậm chí có thể lên tới khoảng 2.432.800 tấn lúa nếu quá trình giảm phù sa kéo dài hơn (lên tới 50 năm).⁴⁷

Theo kết quả quan trắc của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ: “Nồng độ vi khuẩn E.coli tại các sông ngòi, kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu Long đã vượt

42 Nguyễn Minh Quang, “Đồng bằng sông Cửu Long trước nguy cơ mất an ninh nguồn nước: Nguyên nhân và thách thức”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 2020.

43 Hoàng Thắng, “Đồng bằng sông Cửu Long thiệt hại hàng ngàn tỉ đồng vì suy giảm nguồn nước sông Mekong”, *Tạp chí Kinh tế Sài Gòn*, 2021.

44 Thúy Bình, “Khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước sông Mekong”, *Vietnam+*, 2021, <https://www.vietnamplus.vn/khac-phuc-tinh-trang-o-nhiem-nguon-nuoc-song-mekong-post757480.vnp>, truy cập ngày 15/02/2024.

45 Cục Thống kê, “Đồng bằng Sông Cửu Long – Phát huy lợi thế vừa Lúa số một cả nước”, *Trang thông tin điện tử Cục thống kê*, 2021, <https://share.google/doiV21tpjASfjkqfU>, truy cập ngày 15/02/2024.

46 Xuân Nghi, “Triển vọng phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, 2024.

47 Ministry of Natural Resources and Environment of Viet Nam, *Study on the impacts of mainstream Hydropower on the Mekong Rive*, HDR and DHI, 2015, tr. 59-60, <https://www.mekongeye.com/wp-content/uploads/2016/04/MDS-Final-Project-Report-Eng.pdf>, truy cập ngày 02/02/2024.

quá mức cho phép 2-5 lần; nồng độ BOD và COD vượt giới hạn cho phép 1-3 lần; nồng độ ammoniac và một số độc chất phát sinh từ hoạt động công nghiệp và nông nghiệp vượt 5-10 lần tiêu chuẩn cho phép”.⁴⁸ Điều này là nguyên nhân chủ yếu khiến cho các loại dịch bệnh ở các loại cá, tôm nước ngọt nước lợ xuất hiện ngày một nhiều và liên tục, trên quy mô lớn, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động nuôi trồng thủy hải sản, diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại ước tính hàng trăm nghìn hecta mỗi năm. Với vị thế hiện tại, diện tích nuôi trồng thủy sản tại Đồng bằng sông Cửu Long chiếm khoảng 70%⁴⁹ tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của Việt Nam, thực trạng sụt giảm diện tích và năng suất nuôi trồng thủy sản một cách đáng báo động như hiện tại sẽ mang đến nhiều tác động tiêu cực đối với ngành thủy sản của Việt Nam nói chung.

Có thể khẳng định, cơ hội duy nhất mà Việt Nam có được từ các dự án ngăn đập thủy điện, hồ chứa, điều tiết dòng nước ở các dòng chính của các quốc gia phía thượng nguồn sông Mekong có thể là các lợi ích về kinh tế trong việc cải thiện nguồn cung cấp năng lượng điện nhập khẩu, giảm bớt gánh nặng nguồn cung nội địa. Tuy nhiên, những thách thức và rủi ro nhận lại thì vô cùng lớn. Việt Nam đã và đang bị tổn thất nặng nề đối với nghề cá nước ngọt và hoạt động nuôi trồng thủy sản. Điều này, có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của người dân ở châu thổ đồng bằng sông Cửu Long, nhất là các nhóm cư dân có nguồn thu nhập phụ thuộc hoàn toàn vào hoạt động này. Bên cạnh đó, việc thiếu hụt trầm tích và dinh dưỡng đất cũng mang đến những bất lợi đáng kể cho quá trình lắng đọng, bồi đắp trầm tích châu thổ phục vụ cho nông nghiệp trong tương lai.

3. Một số đề xuất đối với Việt Nam

Sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế sông Mekong luôn là vấn đề quan trọng, tiềm ẩn nguy cơ cao về xung đột giữa các quốc gia nằm hai bên lưu vực và có ý nghĩa sống còn đối với hầu hết các quốc gia khu vực Đông Nam Á. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu, đề ra và thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đảm bảo nguồn nước sinh hoạt, phát triển kinh tế, phát triển bền vững toàn vùng ở hiện tại và tương lai, tránh xảy ra xung đột, tăng cường hợp tác tìm kiếm tiếng nói chung với các quốc gia trong khu vực là vấn đề cấp thiết.

Thứ nhất, trên phương diện của pháp luật quốc tế, chiếu theo nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế,⁵⁰ Việt Nam có thể thực hiện kết hợp các biện pháp sau để góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước trong lưu vực, bảo vệ quyền lợi của mình trước thực trạng như hiện tại.

Một là, hành vi xây dựng một cách ồ ạt các đập thủy điện trên quy mô lớn kết hợp với việc xả thải chưa đạt chuẩn ra nguồn nước sông Mekong của các

48 Công Tiến, “Nguồn nước mặt đồng bằng sông Cửu Long ô nhiễm nặng”, *Báo Tuổi trẻ*, 2013, <https://tuoitre.vn/nguon-nuoc-mat-dong-bang-song-cuu-long-o-nhiem-nang-586501.htm>, truy cập ngày 15/02/2024

49 Thụy Linh, “Large space for the fisheries industry in the Mekong Delta”, *Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers*, 2023, <https://seafood.vasep.com.vn/why-buy-seafood/available-fish-sources/large-space-for-the-fisheries-industry-in-the-mekong-delta-26068.html>, truy cập ngày 02/02/2024.

50 McIntyre, Owen, “The principle of equitable and reasonable utilisation”, *The UNECE Convention on the Protection and Use of Transboundary Watercourses and International Lakes*, Brill Nijhoff, 2015.

quốc gia phía thượng nguồn, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc sử dụng công bằng và hợp lý nguồn nước quốc tế; gây tác động bất lợi đến quyền sử dụng nguồn nước chung của các quốc gia phía hạ lưu khác trong đó có Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam có thể sử dụng linh hoạt các biện pháp ngoại giao, kết hợp với các quốc gia khác trong lưu vực cùng bị ảnh hưởng từ hành vi này để kêu gọi các quốc gia phía thượng nguồn thiện chí chia sẻ công bằng nguồn nước sông Mekong, nghiêm túc tuân thủ Bộ Quy chế sử dụng nước trong việc duy trì dòng chảy trên dòng chính cũng như chất lượng nước do MRC xây dựng; lên án, buộc các quốc gia này chấm dứt việc tiếp tục xây dựng các đập thủy điện trên dòng chính. Chủ trương nhất quán của Việt Nam từ trước đến nay là luôn ưu tiên thông qua các tiến trình ngoại giao, biện pháp “hòa bình” để giải quyết các tranh chấp quốc tế phát sinh, tuy nhiên điều này không loại trừ việc sử dụng biện pháp pháp lý dựa trên các quy định của pháp luật quốc tế để giải quyết. Khi việc đàm phán thông qua kênh ngoại giao không đạt được kết quả, trong mối quan hệ với các quốc gia tham gia ký kết Hiệp định Mekong năm 1995, Việt Nam cũng có thể trình vụ việc ra MRC⁵¹ để yêu cầu giải quyết theo trình tự quy định. Đối với Trung quốc là quốc gia chưa tham gia ký kết Hiệp định Mekong năm 1995, có thể áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua các cơ quan tài phán quốc tế như Tòa án Công lý quốc tế (*International Court of Justice*, ICJ) hay Tòa trọng tài thường trực La Haye (*Permanent Court of Arbitration*, PCA) để đảm bảo quyền và lợi ích của Việt Nam.

Hai là, Việt Nam cần chủ động xây dựng cơ chế hợp tác song phương với các quốc gia vùng hạ lưu sông Mekong khác thông qua việc đề xuất ký kết các điều ước song phương với từng quốc gia, như trường hợp Thỏa thuận hợp tác năm 2000 giữa Kazakhstan và Kyrgyzstan đối với hai con sông Chu và Talas, hay Hiệp ước hợp tác năm 2012 của Moldova và Ukraine đối với sông Dniester.⁵² Các điều ước song phương này đều ghi nhận những nội dung liên quan đến vấn đề bảo vệ và phát triển bền vững lưu vực sông quốc tế, kế hoạch quản lý và chương trình giám sát, phương pháp đánh giá và phân loại chất lượng nước, hay vấn đề thông báo ngay lập tức trong trường hợp khẩn cấp... Do đó, trong khuôn khổ của điều ước mà Việt Nam đề xuất, cần nhấn mạnh tầm quan trọng trong vấn đề tăng cường hợp tác quản lý tài nguyên nước quốc tế; ghi nhận nguyên tắc đảm bảo tính công bằng, hợp lý trong việc sử dụng và bảo tồn nguồn nước quốc tế sông Mekong; đề xuất các điều khoản quy định chi tiết vấn đề kiểm soát ô nhiễm nguồn nước xuyên biên giới...

Điều này một mặt giúp ghi nhận một cách cụ thể hóa quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước quốc tế nói chung, mặt khác giúp giữ gìn và nâng cao mối quan hệ tốt đẹp vốn có giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực vì mục tiêu chung là hướng tới sự phát triển bền vững tiểu vùng sông Mekong. Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (*World Commission on Environment and Development*, WCED), nay là Ủy ban Brundtland định nghĩa: “Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu

51 Điều 34 Hiệp định Mekong năm 1995.

52 Oregon State University, *International freshwater treaties (by River Basin)*, 2024, <https://gis.nacse.org/tfdd/treaties.php>, truy cập ngày 02/02/2024.

cầu ở hiện tại mà không ảnh hưởng, làm tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...”. Hay nói sự chú trọng bảo vệ tốt môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, hướng tới dung hòa và phát triển đồng thời ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Ba là, tiếp tục duy trì mối quan hệ và tăng cường hợp tác với các quốc gia trong lưu vực thông qua MRC. Đây được đánh giá là khuôn khổ hợp tác quốc tế mang tính trực tiếp, thuận tiện nhất để các bên trao đổi, đàm phán và đưa ra sự đồng thuận trong việc hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mekong ở hiện tại và tương lai. Việt Nam cần phải tích cực hơn nữa trong việc nghiên cứu thực trạng về lưu lượng, chất lượng nguồn nước, tham vấn một cách kịp thời cho MRC trong vấn đề hoạch định chính sách, khuôn khổ chung và nhấn mạnh tính thiện chí hợp tác tham gia điều chỉnh quy hoạch các đập thủy điện hiện có trên dòng chính sông Mekong, đề ra giải pháp và chiến lược cụ thể để kịp thời ứng phó với những diễn tiến xấu nhất có thể xảy ra mà các quốc gia ở hạ lưu, trong đó có Việt Nam phải đối mặt.

Thứ hai, chủ động trong việc bảo vệ an ninh nguồn nước và ứng phó với những diễn biến xấu của nguồn nước thông qua các biện pháp công trình và phi công trình.

Một là, cần nâng cao sự phối hợp chặt chẽ giữa BTN & MT với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể hóa hơn nữa Chương trình hành động trong việc đảm bảo và phát triển bền vững khu vực đồng bằng sông Cửu long. Các Sở, Phòng Tài nguyên và Môi trường ở khu vực đồng bằng sông Cửu long luôn cần chủ động giám sát và báo cáo về thực trạng, những biểu hiện bất thường của môi trường nước sông Mekong để có những thông tin kịp thời tới BTN&MT. Qua đó BTN&MT sẽ thông qua Cục Quản lý tài nguyên nước thực hiện việc quy hoạch các dự án, xây dựng kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước; có những biện pháp phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt⁵³ và những biện pháp khác cần thiết như phát triển các nguồn nước thay thế (nước ngầm, nước mưa); đầu tư công nghệ xử lý nước biển, nước lợ... để bảo vệ an ninh nguồn nước và sự cân bằng hệ sinh thái một cách phù hợp. Đồng thời, việc dự báo lũ, hạn mặn cần được thực hiện một cách kịp thời, song song với việc xây dựng và phát triển các mô hình thay đổi thời vụ, diện tích nuôi trồng thủy sản, thích nghi với xu thế mùa nước lũ bị giảm cả về quy mô lẫn thời gian và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước phù hợp với thực trạng lưu lượng và chất lượng nước sông Mekong ở cấp địa phương và toàn vùng.

Hai là, cần xây dựng các trạm quan trắc lưu lượng, chất lượng nước, theo dõi mức độ xâm nhập mặn ở các cửa sông để thiết lập và vận hành các công trình thủy lợi ngăn triều cường, điều tiết các lưu lượng nước và có những biện pháp thương lượng kịp thời với các quốc gia phía thượng nguồn xả nước tại các hồ chứa nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về nông ngư nghiệp do hạn hán và xâm nhập mặn. Cùng với đó, BTN&MT nghiên cứu nên xây dựng một hệ thống

53 Quyết định số 2866/QĐ-BTNMT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về nhiệm vụ và quyền hạn của Cục Quản lý tài nguyên nước.

thống nhất về quản lý thông tin và dữ liệu lũ, hạn, triều để phục vụ cho việc phân tích và chia sẻ tình hình thực tế, dữ liệu thủy văn với các quốc gia khác trong lưu vực. Điều này cũng hỗ trợ cho việc đưa ra những cảnh báo kịp thời về mức độ cũng như phạm vi của các hiện tượng bất thường trong lưu lượng và chất lượng nước chảy về đồng bằng sông Cửu Long, có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân để có những quyết sách ứng phó phù hợp. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Giang Nguyen Dang, Hoa Thanh Ha, Tuan Van Vu, “Some legal controversies on equitable and sustainable utilization of transboundary water resources in practice (by example of the Mekong River)”, *Hydrobiological Journal*, Vol. 59(6), 2023, DOI: <https://doi.org/10.1615/hydrobj.v59.i6.20>
- [2] Gabriel Eckstein, “Development of international water law and the UN watercourse convention”, *Hydropolitics in the Developing World: A Southern African Perspective*, Turton & Henwood (Eds.), 2002, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3230117
- [3] Leonard B. Lerer & Thayer Scudder, “Health impacts of large dams”, *Environmental Impact Assessment Review*, Vol. 19(2), 1999, DOI: [https://doi.org/10.1016/S0195-9255\(98\)00041-9](https://doi.org/10.1016/S0195-9255(98)00041-9)
- [4] Owen McIntyre, “Environmental protection of international watercourses under international law”, 1st ed., *Routledge*, 2016, DOI: <https://doi.org/10.4324/9781315580043>
- [5] Owen McIntyre, “The principle of equitable and reasonable utilisation”, *The UNECE Convention on the Protection and Use of Transboundary Watercourses and International Lakes*, Brill Nijhoff, 2015
- [6] Hojjat Mianabadi, Simin Alioghli, Saeed Morid, “Quantitative evaluation of ‘No-harm’ rule in international transboundary water law in the Helmand River basin”, *Journal of Hydrology*, Vol. 599, 2021, <https://doi.org/10.1016/j.jhydrol.2021.126368>
- [7] Xuân Nghi, “Triển vọng phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, 2024 [trans: Xuan Nghi, “Development prospects of the Mekong Delta”, *Vietnam Economic Magazine*, 2024]
- [8] Nguyễn Minh Quang, “Đồng bằng sông Cửu Long trước nguy cơ mất an ninh nguồn nước: Nguyên nhân và thách thức”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 2020 [trans: Nguyen Minh Quang, “The Mekong Delta at risk of water insecurity: Causes and challenges”, *Vietnam Journal of Science and Technology*, 2020]
- [9] Alistair Rieu-Clarke & Christopher Spray, “Ecosystem services and international water law: Towards a more effective determination and implementation of equity?”, *Potchefstroom Electronic Law Journal*, 2013, DOI: <https://doi.org/10.4314/pelj.v16i2.3>
- [10] D. Shelton, “Equity”, in Bodansky D. Brunnée I and Hey E, *The Oxford handbook of international environmental law*, Oxford University Press, 2008
- [11] Hoàng Thắng, “Đồng bằng sông Cửu Long thiệt hại hàng ngàn tỉ đồng vì suy giảm nguồn nước sông Mekong”, *Tạp chí Kinh tế Sài Gòn*, 2021 [trans: Hoang Thang, “The Mekong Delta suffers thousands of billions of dong in losses due to the decline in Mekong River water resources”, *Saigon Economic Magazine*, 2021]
- [12] Aaron T. Wolf, “Criteria for equitable allocations: The heart of international water conflict”, *Natural Resources Forum*, Blackwell Publishing, Vol. 23(1), 1999, DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1477-8947.1999.tb00235.x>
- [13] Aaron T. Wolf, “International water conflict resolution: Lessons from comparative analysis”, *International Journal of Water Resources Development*, Vol. 13(3), 1997, DOI: <https://doi.org/10.1080/07900629749728>